

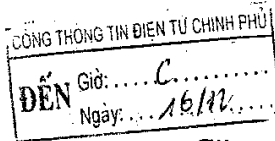
BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 197/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 03 tháng 12 năm 2015



THÔNG TƯ

Quy định về hành nghề chứng khoán

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 42/2015/NĐ-CP ngày 05 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Theo đề nghị của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về hành nghề chứng khoán.

Mục 1

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Thông tư này quy định về việc:

a) Cấp, thu hồi và cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

b) Đào tạo cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và tổ chức thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

c) Quản lý, giám sát người hành nghề chứng khoán tại các tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán, tham gia khóa học cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán và tham gia thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán;

b) Người hành nghề chứng khoán và tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán;

c) Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

d) Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán; các cơ sở đào tạo thuộc các trường đại học liên kết với Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán;

đ) Các tổ chức và cá nhân liên quan.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ

1. *Người hành nghề chứng khoán* là người được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và đang làm việc tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán.

2. *Chứng chỉ hành nghề chứng khoán* là văn bằng xác nhận người có tên trong chứng chỉ đáp ứng điều kiện chuyên môn để làm việc tại công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán hoạt động hợp pháp trên lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

3. *Chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán* là văn bằng do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, xác nhận người có tên trong chứng chỉ đạt yêu cầu trong các cuộc kiểm tra trình độ chuyên môn về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

4. *Bản sao* bao gồm bản sao được cấp từ sổ gốc, bản sao có chứng thực, bản sao không có chứng thực. Trường hợp tài liệu là bản sao không có chứng thực, người nộp hồ sơ cần xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.

5. *Hồ sơ hợp lệ* là hồ sơ có đủ giấy tờ, có nội dung được kê khai đúng, đầy đủ theo quy định của Thông tư này.

6. *Tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán* bao gồm công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và công ty đầu tư chứng khoán.

7. Kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng là thời gian làm việc tại các bộ phận tài chính, kế toán, đầu tư trong các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức không hoạt động trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kiểm toán hoặc tại các bộ phận nghiệp vụ kinh doanh, tài chính kế toán trong các doanh nghiệp, đơn vị, tổ chức hoạt động trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, kiểm toán.

Mục 2

CẤP, THU HỒI VÀ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Điều 3. Các loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán

1. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm các loại sau:

- a) Chứng chỉ hành nghề Môi giới chứng khoán;
- b) Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính;
- c) Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ.

2. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ có giá trị sử dụng khi người được cấp chứng chỉ làm việc tại một công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, công ty đầu tư chứng khoán và được công ty đó thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán được cấp không thời hạn, trừ trường hợp bị thu hồi theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Thông tư này.

Điều 4. Điều kiện cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán

1. Chứng chỉ hành nghề Môi giới chứng khoán được cấp cho cá nhân đáp ứng điều kiện sau đây:

a) Có năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc trường hợp đang phải chấp hành hình phạt tù hoặc bị Toà án cấm hành nghề kinh doanh;

b) Có trình độ từ đại học trở lên;

c) Đạt yêu cầu trong kỳ thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị cấp;

d) Có các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán, bao gồm: Chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chứng chỉ Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chứng chỉ Phân tích và đầu tư chứng khoán, chứng chỉ Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán.

2. Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính được cấp cho cá nhân đáp ứng điều kiện sau đây:

a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Có các chứng chỉ chuyên môn: Chứng chỉ Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chứng khoán, chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp.

3. Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ được cấp cho cá nhân đáp ứng điều kiện sau đây:

a) Các điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có chứng chỉ chuyên môn Quản lý quỹ và tài sản;

c) Có tối thiểu ba (03) năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc có một trong các loại chứng chỉ quốc tế CFA (Chartered Financial Analyst), CIIA (Certified International Investment Analyst), ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants).

4. Các trường hợp được miễn chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán quy định tại các khoản 1, 2, 3 Điều này:

a) Cá nhân có chứng chỉ quốc tế CIIA (Certified International Investment Analyst) hoặc giấy xác nhận đã đạt kỳ thi quốc tế CFA bậc II (Chartered Financial Analyst level II) trở lên được miễn chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chứng chỉ Phân tích và đầu tư chứng khoán, chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp;

b) Cá nhân có chứng chỉ quốc tế ACCA (Association of Chartered Certified Accountants), CPA (Certified Public Accountants) hoặc chứng chỉ kiểm toán viên, chứng chỉ hành nghề kế toán do Bộ Tài chính cấp hoặc giấy xác nhận đã đạt kỳ thi quốc tế CFA bậc I (Chartered Financial Analyst level I), CIIA bậc I (Certified International Investment Analyst level I) được miễn chứng chỉ Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán, chứng chỉ Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp;

c) Cá nhân có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài được miễn tất cả chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán.

Điều 5. Hồ sơ, thủ tục cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán

1. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số I Thông tư này);

b) Bản thông tin cá nhân của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được xác nhận bởi tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán hoặc được chứng thực chữ ký bởi tổ chức có thẩm quyền (theo mẫu quy định tại Phụ lục số II Thông tư này) trong vòng sáu (06) tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;

c) Phiếu lý lịch tư pháp được cơ quan có thẩm quyền cấp trong thời hạn sáu (06) tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ, kèm theo bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng;

d) Bản sao bằng tốt nghiệp đại học hoặc bằng thạc sỹ, tiến sỹ;

đ) Bản sao chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh cá nhân đó đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài (nếu có);

e) Bản sao các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc các văn bằng được miễn chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán theo quy định tại khoản 4 Điều 4 Thông tư này;

g) Thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả thi sát hạch phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị cấp;

h) Hai (02) ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng sáu (06) tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;

i) Đối với trường hợp đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ, phải bổ sung thêm:

- Văn bản xác nhận số năm làm việc, vị trí công tác của người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán do các tổ chức nơi người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã từng làm việc hoặc đang làm việc cung cấp; hoặc
- Bản sao chứng chỉ quốc tế CFA, CIIA, ACCA, CPA.

2. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được lập thành một (01) bộ nộp trực tiếp tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc gửi qua đường bưu điện. Trường hợp gửi qua đường bưu điện, các tài liệu bản sao phải là bản sao có chứng thực hoặc bản sao được cấp từ sổ gốc. Hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán không được hoàn lại, kể cả trường hợp không được cấp chứng chỉ.

Trường hợp tài liệu viết bằng tiếng nước ngoài, các tài liệu này phải dịch chứng thực sang tiếng Việt bởi các tổ chức có thẩm quyền theo quy định của

pháp luật Việt Nam. Đối với cá nhân đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề là người nước ngoài, những tài liệu thuộc loại văn bản do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nước ngoài cấp hoặc xác nhận, phải được hợp pháp hoá lãnh sự trong vòng sáu (06) tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ.

3. Trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán và thông báo nộp lệ phí cho người đề nghị. Trường hợp từ chối, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phải trả lời bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do từ chối.

4. Trường hợp hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán chưa hợp lệ, trong vòng năm (05) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ cho người đề nghị. Người đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán phải hoàn thiện hồ sơ trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nhận được thông báo sửa đổi, bổ sung hồ sơ của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Sau thời hạn trên, hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trước đó không còn giá trị.

5. Trong vòng ba (03) năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo nộp lệ phí cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán, người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán không làm thủ tục nhận chứng chỉ, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ra quyết định hủy bỏ chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã cấp.

Điều 6. Thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán

1. Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 80 Luật Chứng khoán.

2. Trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi chứng chỉ hành nghề chứng khoán của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, người được cấp chứng chỉ phải nộp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Điều 7. Cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán

1. Những trường hợp được cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán:

a) Chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 80 Luật Chứng khoán hoặc bị hỏng, bị mất;

b) Thông tin xác nhận nhân thân của người hành nghề ghi trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán thay đổi (như số giấy chứng minh nhân dân, số hộ chiếu, quốc tịch, họ tên, ngày tháng năm sinh).

2. Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán:

a) Đối với trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã bị thu hồi theo quy định tại điểm a, c khoản 1 Điều 80 Luật Chứng khoán, hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư này, trong đó Giấy đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán được thay thế bởi Giấy đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số III Thông tư này).

b) Đối với trường hợp chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị mất, hỏng hoặc thay đổi thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán, hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán bao gồm:

- Giấy đề nghị cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số III Thông tư này);
- Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng;
- Hai (02) ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng sáu (06) tháng tính đến ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nhận được hồ sơ;
- Chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, trừ trường hợp đề nghị cấp lại do bị mất chứng chỉ.

3. Trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán:

Trình tự, thủ tục cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán thực hiện theo quy định tại các khoản 2, 3, 4, 5 Điều 5 Thông tư này.

Điều 8. Lệ phí cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán

Người đề nghị cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán phải nộp lệ phí cấp, cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định pháp luật về phí, lệ phí.

Mục 3

CẤP CHỨNG CHỈ CHUYÊN MÔN VỀ CHỨNG KHOÁN VÀ TỔ CHỨC THI SÁT HẠCH CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Điều 9. Khóa học cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán

1. Các khóa học cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán bao gồm:

- a) Khóa học Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- b) Khóa học Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- c) Khóa học Phân tích và đầu tư chứng khoán;

- d) Khóa học Môi giới chứng khoán và tư vấn đầu tư chứng khoán;
- đ) Khóa học Tư vấn tài chính và bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- e) Khóa học Phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp;
- g) Khóa học Quản lý quỹ và tài sản;
- h) Khóa học Chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh.

2. Các khóa học quy định tại khoản 1 Điều này do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc do các cơ sở đào tạo thuộc các trường đại học liên kết đào tạo với Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán tổ chức.

3. Các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán do Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán cấp cho học viên trong vòng mười lăm (15) ngày sau khi đạt yêu cầu trong các cuộc kiểm tra trình độ chuyên môn (bao gồm cả những thí sinh đã hoàn thành khóa học do các cơ sở đào tạo thuộc các trường đại học liên kết đào tạo với Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán tổ chức).

4. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê chuẩn giáo trình và chương trình đào tạo các khóa học quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Những trường hợp được miễn tham gia các khóa học chuyên môn nhưng phải tham gia kiểm tra trình độ để được cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán:

- a) Cá nhân có bằng cử nhân trở lên thuộc khối kinh tế, được miễn học khóa học Những vấn đề cơ bản về chứng khoán và thị trường chứng khoán;
- b) Cá nhân có bằng cử nhân luật trở lên về kinh tế được miễn học khóa học Pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 10. Tổ chức thi sát hạch

1. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước tổ chức thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán định kỳ tối thiểu hai (02) lần trong một (01) năm.

2. Nội dung sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán gồm hai phần: Phần pháp luật về chứng khoán của Việt Nam và phần chuyên môn. Trường hợp chưa đạt một phần, thí sinh được phép thi lại phần chưa đạt trong vòng một (01) năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo kết quả thi lần đầu. Quá thời hạn nêu trên, thí sinh phải thi lại cả hai phần.

3. Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành Quy chế thi, phúc khảo bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán phù hợp với quy định tại Thông tư này.

Điều 11. Điều kiện dự thi sát hạch

1. Người dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán phải có đủ các chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc đã hoàn thành các khóa học cấp chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán hoặc có các văn bằng được phép miễn chứng chỉ chuyên môn về chứng khoán phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đăng ký dự thi sát hạch theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

2. Người nước ngoài có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc tài liệu tương đương chứng minh đang được phép hành nghề chứng khoán hợp pháp ở nước ngoài hoặc có chứng chỉ chuyên môn về thị trường chứng khoán thì chỉ cần thi sát hạch phần pháp luật về chứng khoán của Việt Nam.

3. Người dự thi sát hạch phải nộp hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch theo quy định tại Điều 12 Thông tư này và nộp đủ lệ phí dự thi sát hạch theo quy định.

Điều 12. Hồ sơ đăng ký dự thi sát hạch

1. Giấy đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số IV Thông tư này).

2. Bản sao giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn giá trị sử dụng.

3. Hai (02) ảnh 4cm x 6cm chụp trong vòng sáu (06) tháng tính đến ngày nộp hồ sơ đăng ký dự thi, hai (02) phong bì có dán tem, ghi rõ họ tên, địa chỉ người nhận kết quả thi (đối với trường hợp đăng ký nhận kết quả thi bằng văn bản).

Điều 13. Kết quả thi sát hạch

1. Trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc đợt thi sát hạch, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt kết quả thi sát hạch và thông báo trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Kết quả thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán có giá trị trong vòng một (01) năm kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo kết quả thi. Đối với trường hợp thí sinh thi sát hạch lại một phần, thời hạn của kết quả thi sát hạch được tính từ thời điểm Ủy ban Chứng khoán Nhà nước thông báo kết quả thi lại lần cuối.

Mục 4
NGƯỜI HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN VÀ TỔ CHỨC SỬ DỤNG
NGƯỜI HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Điều 14. Nguyên tắc hành nghề chứng khoán

1. Người có Chứng chỉ hành nghề Môi giới chứng khoán được thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán.
2. Người có Chứng chỉ hành nghề Phân tích tài chính được thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán.
3. Người có Chứng chỉ hành nghề Quản lý quỹ được thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
4. Người có một (01) trong ba (03) loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán theo quy định tại Điều 3 Thông tư này và có chứng chỉ chuyên môn Chứng khoán phái sinh và thị trường chứng khoán phái sinh được thực hiện nghiệp vụ liên quan đến chứng khoán phái sinh tại tổ chức kinh doanh chứng khoán.
5. Người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán chỉ được làm việc tại một (01) bộ phận nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán trong một (01) thời điểm.

Điều 15. Trách nhiệm của người hành nghề chứng khoán

1. Trừ trường hợp được cử là người đại diện phần vốn góp hoặc làm thành viên hội đồng quản trị, hội đồng thành viên, ban kiểm soát của một tổ chức mà tổ chức đó sở hữu tổ chức kinh doanh chứng khoán hoặc tiếp nhận vốn đầu tư từ tổ chức kinh doanh chứng khoán, người hành nghề chứng khoán không được:
 - a) Đồng thời làm việc cho tổ chức khác có quan hệ sở hữu với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ nơi mình đang làm việc;
 - b) Đồng thời làm việc cho công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ khác;
 - c) Đồng thời làm giám đốc (tổng giám đốc) của một tổ chức chào bán chứng khoán ra công chúng hoặc tổ chức niêm yết.
2. Người hành nghề chứng khoán đang làm việc cho công ty chứng khoán chỉ được mở tài khoản giao dịch chứng khoán cho mình tại chính công ty chứng khoán nơi mình làm việc, trừ trường hợp công ty chứng khoán đó không phải là thành viên của Sở giao dịch chứng khoán.

3. Người hành nghề chứng khoán không được sử dụng tiền, chứng khoán trên tài khoản của khách hàng khi không được công ty chứng khoán ủy quyền theo sự ủy thác của khách hàng cho công ty chứng khoán bằng văn bản.

4. Người hành nghề chứng khoán phải tuân thủ các quy tắc đạo đức hành nghề chứng khoán.

5. Người hành nghề chứng khoán phải tham gia các khóa tập huấn về pháp luật, hệ thống giao dịch, loại chứng khoán mới do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán tổ chức.

6. Người hành nghề chứng khoán phải thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước sau khi chứng chỉ hành nghề chứng khoán bị mất, phát hiện bị mất hoặc thay đổi các thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ hành nghề chứng khoán (theo mẫu quy định tại Phụ lục số V Thông tư này).

Điều 16. Trách nhiệm của tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán, người đại diện theo pháp luật của tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán

1. Bố trí, sử dụng người hành nghề chứng khoán phù hợp với loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán mà người đó được cấp.

2. Giám sát người hành nghề chứng khoán bảo đảm tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong vòng hai (02) ngày làm việc (theo mẫu quy định tại Phụ lục số VI Thông tư này) kể từ ngày ký kết hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với người có chứng chỉ hành nghề chứng khoán hoặc phát hiện người hành nghề chứng khoán vi phạm quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán, kèm theo bản sao hợp đồng lao động, quyết định tuyển dụng (đối với trường hợp tuyển dụng), quyết định chấm dứt hợp đồng lao động (đối với trường hợp nghỉ việc) hoặc biên bản phát hiện vi phạm của người hành nghề chứng khoán (nếu có).

4. Người đại diện theo pháp luật của tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán có trách nhiệm ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu vào phụ lục đính kèm chứng chỉ hành nghề chứng khoán ngay sau khi người hành nghề chứng khoán được tiếp nhận làm việc hoặc nghỉ việc tại công ty.

5. Trước ngày 20 tháng 01 hàng năm, tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về các nhân viên đã được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán làm việc tại công ty của năm trước liền kề (theo mẫu quy định tại Phụ lục số VII Thông tư này).

Điều 17. Xử lý vi phạm

Người hành nghề chứng khoán và tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán vi phạm quy định tại Thông tư này sẽ bị xử phạt theo quy định của pháp luật hiện hành.

Mục 5

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 18. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 04 năm 2016 và thay thế Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Quy chế hành nghề chứng khoán và Thông tư số 147/2012/TT-BTC ngày 10 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế hành nghề chứng khoán được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2008/QĐ-BTC ngày 27 tháng 3 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị tổ chức, cá nhân có liên quan phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu, hướng dẫn, giải quyết. / *Ban*

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng TƯ và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Ban chỉ đạo TW về phòng chống tham nhũng;
- Văn phòng Chính phủ;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Website CP;
- Cục Kiểm tra Văn bản (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Website BTC;
- Lưu: VT, UBCK.



Phụ lục số I
MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Họ và tên:(chữ in hoa); Giới tính:.....
2. Ngày tháng năm sinh:.....
3. Quốc tịch:.....
4. Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... cấp ngày :..... tại.....
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:..... (ghi chi tiết số nhà, khối/thôn/xóm, phường/xã, quận/huyện, thành phố/tỉnh)
6. Đơn vị công tác:..... (ghi rõ tên đơn vị, chức vụ, vị trí, bộ phận hiện đang làm việc - nếu có)
7. Số điện thoại liên lạc:.....
8. Hình thức đăng ký nhận chứng chỉ hành nghề chứng khoán:
☐ Nhận trực tiếp tại Văn phòng Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
☐ Nhận qua đường bưu điện theo địa chỉ:.....
9. Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đề nghị được cấp:
.....(chữ in hoa).

Tôi làm Giấy này đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét cấp Chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho tôi. Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ gửi kèm:

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số II
MẪU KHAI BẢNG THÔNG TIN CÁ NHÂN
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ trưởng
 Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán)*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên:.....
2. Ngày tháng năm sinh:.....
3. Quốc tịch:.....
4. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:.....
 (ghi chi tiết số nhà, khối/thôn/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)
5. Chỗ ở hiện tại/Địa chỉ liên lạc:.....
 (ghi chi tiết số nhà, khối/thôn/xóm, phường/xã, quận/huyện, tỉnh/thành phố)
6. Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... ngày cấp:..... nơi cấp:.....
7. Quá trình học tập, đào tạo chuyên môn:

Thời gian	Trường/Trung tâm đào tạo	Chuyên ngành đào tạo	Khen thưởng	Kỷ luật
Từ..... đến.....				
Từ..... đến.....				

8. Quá trình làm việc:

Thời gian	Nơi làm việc	Vị trí/Chức vụ	Khen thưởng	Kỷ luật
Từ..... đến.....				
Từ..... đến.....				

9. Quan hệ nhân thân:

Mối quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Chỗ ở	Nghề nghiệp	Đơn vị công tác (nếu có)
Bố					
Mẹ					

Anh/chi/ em ruột					
Vợ/ chồng					
Con					

Tôi cam kết các nội dung kê khai trên là chính xác và xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, hợp pháp của Bản thông tin cá nhân này./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

Người khai

(Ký, ghi rõ họ tên)

**Phản xác nhận của tổ chức sử dụng người hành nghề chứng khoán hoặc
Phản chứng thực chữ ký người khai của Cơ quan có thẩm quyền**

Phụ lục số III

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Họ và tên:(chữ in hoa); Giới tính:.....
2. Ngày sinh:.....
3. Quốc tịch:.....
4. Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... cấp ngày:..... tại:.....
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: (ghi chi tiết số nhà, khối/thôn/xóm, phường/xã, quận/huyện, thành phố/tỉnh)
6. Đơn vị công tác:..... (ghi rõ tên đơn vị, chức vụ, vị trí, bộ phận hiện đang làm việc - nếu có)
7. Số điện thoại liên lạc:.....
8. Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán đã được cấp:
CHỨNG CHỈ.....(chữ in hoa) Số:
Ngày cấp:.....
9. Lý do đề nghị được cấp lại chứng chỉ hành nghề chứng khoán:
.....

10. Hình thức đăng ký nhận chứng chỉ hành nghề chứng khoán:

- ☐ Nhận trực tiếp tại Văn phòng Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- ☐ Nhận qua đường bưu điện theo địa chỉ:.....

Tôi làm Giấy này đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét cấp lại Chứng chỉ hành nghề chứng khoán cho tôi. Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ gửi kèm:

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI ĐỀ NGHỊ

(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số IV
MẪU GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY ĐĂNG KÝ DỰ THI SÁT HẠCH
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Họ và tên:(chữ in hoa); Giới tính:.....
2. Ngày tháng năm sinh:.....
3. Quốc tịch:.....
4. Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... cấp ngày:..... tại:.....
5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:..... (ghi chi tiết số nhà, khối/thôn/xóm, phường/xã, quận/huyện, thành phố/tỉnh)
6. Chỗ ở hiện tại: (ghi chi tiết số nhà, khối/xóm, phường/xã, quận/huyện, thành phố, tỉnh)
7. Trình độ chuyên môn:
8. Đơn vị công tác: (ghi rõ tên đơn vị, chức vụ, vị trí, bộ phận hiện đang làm việc – nếu có)
9. Số điện thoại liên lạc:.....
10. Đăng ký dự thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán loại:
CHỨNG CHỈ..... (chữ in hoa)
11. Địa điểm đăng ký dự thi:..... (ghi rõ Hà Nội hoặc Tp. HCM)
12. Hình thức đăng ký nhận kết quả thi sát hạch:
☐ Theo thông báo trên trang thông tin điện tử của Trung tâm Nghiên cứu khoa học và Đào tạo chứng khoán trực thuộc Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
☐ Nhận qua đường bưu điện theo địa chỉ:.....

Tôi làm Giấy này đề nghị Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xem xét cho tôi được dự thi sát hạch cấp Chứng chỉ hành nghề chứng khoán. Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung Giấy đề nghị này và hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ gửi kèm:

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI ĐĂNG KÝ
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số V
MẪU THÔNG BÁO MẤT CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN HOẶC
THAY ĐỔI THÔNG TIN XÁC NHẬN NHÂN THÂN TRONG CHỨNG CHỈ
HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN
(Ban hành kèm theo Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THÔNG BÁO MẤT CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN HOẶC
THAY ĐỔI THÔNG TIN XÁC NHẬN NHÂN THÂN TRONG
CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN
(Chọn một trong các trường hợp)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Họ và tên:(chữ in hoa); Giới tính:
 2. Ngày tháng năm sinh:.....
 3. Quốc tịch:.....
 4. Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... cấp ngày:..... tại:.....
 5. Số điện thoại liên lạc:.....; Địa chỉ liên lạc:
 6. Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán hiện có:
CHỨNG CHỈ..... Số: ngày cấp:.....
 7. Lý do thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:
a) Trường hợp 1. Bị mất chứng chỉ hành nghề chứng khoán
Ngày mất/ngày phát hiện bị mất:.....
b) Trường hợp 2. Thay đổi thông tin xác nhận nhân thân trong chứng chỉ
hành nghề chứng khoán:
Nội dung thông tin trước khi thay đổi:.....
Nội dung thông tin sau khi thay đổi:.....
- Tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông báo này.

Hồ sơ gửi kèm:

....., ngày..... tháng..... năm.....

NGƯỜI THÔNG BÁO
(Ký, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số VI
MẪU THÔNG BÁO VIỆC KÝ KẾT/CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG
VỚI NGƯỜI CÓ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN HOẶC
PHÁT HIỆN NGƯỜI HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN VI PHẠM QUY ĐỊNH
PHÁP LUẬT CHỨNG KHOÁN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán)*

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN/ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ/ Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN...

Số:.....

THÔNG BÁO VỀ VIỆC KÝ KẾT/CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG LAO ĐỘNG VỚI
NGƯỜI CÓ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN HOẶC
PHÁT HIỆN NGƯỜI HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ
CHỨNG KHOÁN VÀ THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN
(Chọn một trong các trường hợp)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tên công ty:
2. Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... cấp ngày:.....
3. Lý do thông báo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước:
 - a) Ký kết hợp đồng lao động với người hành nghề chứng khoán
 - Họ và tên người hành nghề chứng khoán:(chữ in hoa);
 - Quốc tịch:.....
 - Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... cấp ngày:..... tại:.....
 - Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán:
 - Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán: cấp ngày:.....
 - Ngày bắt đầu làm việc:.....
 - b) Chấm dứt hợp đồng lao động với người hành nghề chứng khoán
 - Họ và tên người hành nghề chứng khoán:(chữ in hoa);
 - Quốc tịch:.....
 - Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... cấp ngày:..... tại:.....
 - Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán:
 - Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán: cấp ngày:.....
 - Ngày bắt đầu nghỉ việc:
 - Lý do chấm dứt hợp đồng lao động:

c) Phát hiện người hành nghề chứng khoán vi phạm quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán

- Họ và tên người hành nghề chứng khoán:(chữ in hoa);
- Quốc tịch:.....
- Giấy CMND/Hộ chiếu số:..... cấp ngày:..... tại:.....
- Loại chứng chỉ hành nghề chứng khoán:
- Số chứng chỉ hành nghề chứng khoán:..... ngày cấp:.....
- Nội dung vi phạm:(nêu chi tiết)
- Hình thức xử lý của Công ty đối với người hành nghề chứng khoán (nếu có):

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung thông báo này.

Hồ sơ gửi kèm:

....., ngày..... tháng..... năm.....

(TỔNG) GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

Phụ lục số VII
MẪU BÁO CÁO HÀNG NĂM VỀ NGƯỜI CÓ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ
CHỨNG KHOÁN LÀM VIỆC TẠI CÔNG TY
(Ban hành kèm theo Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ trưởng
Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán)

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN.../
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ.../
CÔNG TY ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....

BÁO CÁO VỀ NHÂN VIÊN CÓ CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ CHỨNG KHOÁN
LÀM VIỆC TẠI CÔNG TY TRONG NĂM.....
(Từ ngày 01/01/..... đến ngày 31/12/.....)

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

1. Tên công ty:
2. Giấy phép thành lập và hoạt động số:..... cấp ngày:.....
3. Địa chỉ trụ sở chính:.....

Chúng tôi báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán làm việc tại Công ty trong năm..... như sau:

TT	Họ tên người được cấp chứng chỉ hành nghề chứng khoán	Chức vụ	Phòng/Ban/Bộ phận làm việc	CCHNCK số ..., cấp ngày.....	Ngày ký kết hợp đồng lao động	Ngày chấm dứt hợp đồng lao động
I.	Trụ sở chính					
1.						
...						
II.	Chi nhánh.... (tên chi nhánh)					
1.						
...						
III.	Phòng giao dịch.... (tên PGD)					
1.						
...						

Chúng tôi xin cam kết hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của nội dung báo cáo này.

....., ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, ghi rõ họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG NHÂN SỰ
(Ký, ghi rõ họ tên)

(TỔNG) GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)